

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 202

**Dự thảo 1**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số chính sách mới để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số chính sách mới để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST), như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

**1.1. Cơ sở chính trị**

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST

- Về quan điểm chỉ đạo: “*Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững*”.

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu*

*quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định KH, CN & ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Về quan điểm phát triển: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”* Về đột phá chiến lược: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam”*. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới”*.

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định: *“Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH & CN vào sản xuất kinh doanh”*.

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo”*.

đ) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ*

*cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.”.*

e) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều nhiệm vụ, giải pháp có tính cách mạng để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó một số nhiệm vụ, giải pháp cần được kịp thời thực hiện như sau:

- *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực”.*

- *“Cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ”.*

- *“Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo”.*

- *“Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số”.*

- *“Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu”.*

- *“Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa*

*học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải”.*

*- “Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài”.*

*- “Có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược”.*

*- “Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực”.*

g) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *“Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ”.*

h) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đầu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách*

*mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu”.*

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có nhiều nội dung chưa phù hợp hoặc chưa được thể chế hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, cần ban hành Nghị quyết nhằm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chủ trương mang tính cấp bách, quan trọng nêu trên của Đảng.

## **1.2. Cơ sở pháp lý**

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

*3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

b) Tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, có nhiều quy định chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do vậy, cần nghiên cứu để có chính sách thí điểm, đặc thù vượt trội nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả thi hành pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế,*

*bảo đảm công khai, minh bạch.”.*

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế - xã hội, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thúc đẩy lĩnh vực này là yêu cầu cấp thiết. Theo đó, việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội là cần thiết để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ hóa các quy định pháp luật, tháo gỡ các vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Trong quá trình triển khai thi hành pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, một số nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn nhằm phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

*Thứ nhất*, nền kinh tế của Việt Nam đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố động lực của KH,CN&ĐMST ngày càng rõ nét đòi hỏi nhà nước cần có các cơ chế, chính sách phục vụ cho mục đích này. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực phục vụ KH,CN&ĐMST.

*Thứ hai*, các tác động của hội nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong một thế giới phát triển mạnh mẽ, đột biến, nhất là về KH,CN&ĐMST đòi hỏi các hành lang pháp lý; cơ chế chính sách phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn.

*Thứ ba*, nhiều vướng mắc xuất phát từ tình hình thực tiễn hoặc những quy định pháp luật không phù hợp, thiếu tính khả thi, là rào cản cho sự phát triển của KH,CN&ĐMST, cụ thể:

### **a) Về tổ chức, nhân lực:**

- Liên quan đến cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về tự chủ về tài chính với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực khác nhau nên chưa phù hợp với lĩnh vực KH&CN khi nhiều đơn vị có chức năng chính là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách phục vụ quản lý nhà nước, không có nguồn thu trực tiếp từ xã hội do kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào xây dựng cơ chế, chính sách và chủ thể tiếp nhận kết quả nghiên cứu là các cơ quan trong hệ thống chính trị. Quy định về lộ trình tự chủ tài chính tăng dần có thể phù hợp với đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công và có nguồn thu sự nghiệp ổn định, nhưng không thể áp dụng đối với tất cả các tổ chức KH&CN, là nơi thực hiện nghiên cứu và sáng tạo, kết quả nghiên cứu có thể đạt được hoặc không đạt được các chỉ tiêu đề ra và không phải kết quả nào cũng có thể thương mại hóa ngay hoặc thương mại hóa thành công, điển hình là đối với những tổ chức nghiên cứu cơ

bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách... Đồng thời, tự chủ về tài chính không nên được hiểu là tự bảo đảm về tài chính hay tự cung, tự cấp trong KH&CN, dẫn tới cắt giảm tối đa NSNN, giảm số lượng tổ chức KH&CN được nhận kinh phí hoạt động thường xuyên từ ngân sách, dẫn đến suy giảm số lượng nhân lực hoạt động KH&CN, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Theo thông lệ quốc tế, các cơ sở nghiên cứu công lập phải được đảm bảo nguồn đầu tư cơ bản quan trọng từ NSNN bên cạnh các khoản thu hợp pháp khác được khuyến khích từ nguồn liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, nguồn tài trợ nghiên cứu theo cơ chế cạnh tranh trong nước và từ nước ngoài.

Ngoài ra, tổ chức KH&CN còn gặp các vướng mắc liên quan đến tổ chức bộ máy, chủ động trong việc sử dụng và quản lý nguồn nhân lực. Pháp luật hiện hành chưa tính đến các nội dung sau: mô hình quản trị trong các tổ chức trực thuộc và thuộc để xác định mức độ tự chủ của từng tổ chức nhỏ trong một tổ chức lớn và cách thức xác định mức độ tự chủ của tổ chức lớn; mô hình quản trị đối với các loại hình tổ chức KH&CN tạo ra sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hóa cao, làm chủ công nghệ có tính đột phá, dẫn dắt phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật; phương thức hoạt động của cán bộ nghiên cứu kiêm nhiệm, người nước ngoài tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại tổ chức KH&CN công lập.

- Chưa có cơ chế đặc thù cho phép nhà khoa học là viên chức được tham gia điều hành doanh nghiệp do viện nghiên cứu, trường đại học thành lập từ kết quả nghiên cứu và phát triển để tạo động lực cho các nhà khoa học trong triển khai hoạt động KH, CN & ĐMST, tạo môi trường để doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn (startup/spin-off) tồn tại, cạnh tranh trên thị trường.

- Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút được các chuyên gia giỏi là chuyên gia, người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào các nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới tạo khác tại Việt Nam, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên và công nghệ mới nổi mà trong nước còn thiếu hụt nhân lực. Trong thực tế, thủ tục cấp giấy phép lao động, thị thực phức tạp, quy định về nhập cảnh cũng gây khó khăn cho chuyên gia nước ngoài làm việc ngắn hạn, trong khi thời hạn thị thực ngắn hạn cản trở nhà đầu tư hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

#### b) Về đầu tư, tài chính:

- Cơ chế tài chính chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động, khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, cơ chế khoán chi theo quy định pháp luật hiện hành chưa phát huy hiệu quả. Theo đó, ít tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm lựa chọn khoán chi đến sản phẩm cuối cùng vì yêu cầu kết quả nghiên cứu phải đạt chỉ tiêu đề ra, trong khi bản chất của KH&CN là tìm kiếm cái mới, là hoạt động sáng tạo, có tính rủi ro, có thể không đi đến kết quả đã định trước.

- Chưa có cơ chế đầu tư, tài chính đủ mạnh nhằm khuyến khích doanh

ngành đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể, các chính sách về đầu tư, hỗ trợ tài chính, đấu thầu, mua bí quyết công nghệ, mua sắm công đối với sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Đồng thời, chưa có quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo.

- Hiện nay, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, ngành, địa phương chưa có sự rõ ràng về địa vị, tính chất pháp lý, dẫn đến sự nhầm lẫn với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, gây khó khăn trong quản lý, vận hành và huy động nguồn lực. Việc thiếu cơ chế thống nhất khiến cho hoạt động của các quỹ này kém hiệu quả, ảnh hưởng đến việc phân bổ và sử dụng tài chính cho nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, nguồn tài chính cho các quỹ này chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi cơ chế huy động vốn từ doanh nghiệp và tổ chức xã hội còn hạn chế, chưa thực sự khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân. Ngoài ra, dự toán chi cho khoa học và công nghệ chưa được đảm bảo chặt chẽ, dễ bị cắt giảm hoặc không được ưu tiên trong phân bổ ngân sách, khiến các nhiệm vụ nghiên cứu dài hạn gặp khó khăn trong việc duy trì và phát triển. Cơ chế cấp phát kinh phí cũng bộc lộ nhiều bất cập, như tình trạng cấp vốn chậm trễ, thiếu linh hoạt, dẫn đến gián đoạn tiến độ triển khai các dự án khoa học và công nghệ. Đồng thời, chưa có quy trình rõ ràng để xác định kinh phí cho các nhiệm vụ mới và nhiệm vụ chuyển tiếp, dẫn đến sự phân bổ không đồng đều giữa các năm, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động nghiên cứu.

c) Về tài sản, kết quả hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Liên quan đến giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) cho tổ chức chủ trì: các quy định về chuyển giao quyền sở hữu kết quả KH&CN cho tổ chức chủ trì trong Luật KH&CN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn phải được sự cho phép của đại diện chủ sở hữu nhà nước quá rườm rà, phức tạp, không khả thi. Các vấn đề này dẫn đến tình trạng chậm ứng dụng thực tiễn, giảm động lực đổi mới sáng tạo và khó thu hút đầu tư cho nghiên cứu khoa học. Trong khi đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2013 mặc dù đã cho phép giao tự động và không bồi hoàn kết quả KH&CN là sáng chế, thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng nhưng chưa bao quát hết tất cả các đối tượng kết quả KH&CN.

Bên cạnh đó, còn tồn tại bất cập trong việc xử lý tài sản hình thành từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dù sử dụng nguồn ngân sách hay ngoài ngân sách nhà nước. Việc hạch toán chung tài sản từ kết quả nghiên cứu cũng gây ra bất cập trong việc theo dõi, định giá, khấu hao và kiểm soát hiệu quả sử dụng, làm hạn chế khả năng khai thác thương mại hóa. Ngoài ra, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa có quyền linh hoạt trong việc chuyển nhượng, cho thuê hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thành từ kết quả nghiên cứu, cũng như sử dụng kết quả nghiên cứu để góp vốn liên doanh, liên kết và thương mại hóa. Điều này làm giảm khả năng thương mại hóa sản phẩm khoa học, gây khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư và mở rộng ứng dụng kết



quả nghiên cứu vào thực tiễn.

d) Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường:

- Thực tiễn cho thấy, các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới gặp nhiều rào cản pháp lý do chưa có quy định cụ thể khiến cho hoạt động đổi mới sáng tạo bị hạn chế. Doanh nghiệp và cá nhân phát triển công nghệ mới thường gặp khó khăn trong việc triển khai do lo ngại về tính hợp pháp, rủi ro pháp lý và thiếu cơ chế thử nghiệm trước khi áp dụng rộng rãi. Đồng thời, cơ quan nhà nước cũng gặp thách thức trong việc đánh giá mức độ an toàn, hiệu quả và tác động của những đổi mới này, gây chậm trễ trong việc ban hành hoặc điều chỉnh chính sách phù hợp. Bên cạnh đó, việc không có cơ chế thử nghiệm rõ ràng khiến nhiều sáng kiến tiềm năng bị bỏ lỡ hoặc phải thử nghiệm không chính thức, gây rủi ro cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Ngoài ra, trách nhiệm pháp lý của các cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến tâm lý e ngại trong việc triển khai ý tưởng mới.

- Các dự án, trung tâm đổi mới sáng tạo hiện gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận ưu đãi thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Các loại thuế xuất khẩu, nhập khẩu đánh vào tài sản cố định và nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho đổi mới sáng tạo làm gia tăng chi phí đầu tư, cản trở quá trình nghiên cứu và triển khai các giải pháp công nghệ mới. Điều này khiến các doanh nghiệp khởi nghiệp và tổ chức đổi mới sáng tạo gặp bất lợi trong cạnh tranh, đặc biệt khi so sánh với các quốc gia có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn.

Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp chưa thực sự khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp có chi phí đầu tư vào nghiên cứu, giáo dục nghề nghiệp, quốc phòng, an ninh hay tài trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo chưa được hưởng ưu đãi thuế một cách rõ ràng và nhất quán. Hơn nữa, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa có cơ chế ưu đãi thuế ổn định, dài hạn, khiến họ khó khăn trong việc hoạch định chiến lược đầu tư và phát triển.

- Các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gặp khó khăn trong xác định loại hình dự án đầu tư mới, đặc biệt là các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh. Thiếu định nghĩa rõ ràng khiến họ khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế và cơ chế khuyến khích từ Nhà nước, đồng thời cản trở quá trình nâng cấp, thay thế công nghệ, làm giảm khả năng cạnh tranh.

- Mức ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với đất phục vụ cho hoạt động KH&CN; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp KH&CN chưa hiệu quả, chưa

thực tiễn, chưa tạo động lực để khuyến khích doanh nghiệp phát triển theo mô hình doanh nghiệp KH&CN.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng như các trung tâm đổi mới sáng tạo chưa được hưởng đầy đủ chính sách ưu đãi, đặc biệt đối với dự án có chuyển giao công nghệ khuyến khích. Việc thiếu quy định ưu đãi cho cơ sở ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp sản xuất thiết bị bảo vệ môi trường khiến họ gặp khó khăn trong tiếp cận vốn và phát triển. Điều này làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ, thu hẹp hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp công nghệ trong nước.

- Hiện nay, việc phát triển công nghệ chiến lược tại Việt Nam gặp nhiều thách thức do chính sách ưu đãi và cơ chế hỗ trợ chưa đủ mạnh mẽ cho nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa đối với các công nghệ này. Mặc dù công nghệ chiến lược đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo an ninh quốc gia, nhưng các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực này gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn đầu tư, nhân lực chất lượng cao và cơ sở hạ tầng nghiên cứu. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu khiến Việt Nam gặp khó khăn trong việc nâng cao năng lực tự chủ công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực quan trọng như quốc phòng, an ninh và các ngành công nghiệp chiến lược. Việc thiếu chính sách ưu tiên phát triển các công nghệ có giá trị nội địa hóa cao và khả năng đóng góp trực tiếp vào nền kinh tế cũng làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước, khiến Việt Nam chưa thể bắt kịp xu hướng công nghệ toàn cầu.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm chính sách thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST là rất cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý để tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả tới hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đưa KH,CN&ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt mục tiêu kép của quốc gia vào năm 2030<sup>1</sup> và 2045<sup>2</sup> như Đại hội XIII đã đề ra.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH,CN&ĐMST, đặc biệt là Nghị quyết số 57-

<sup>1</sup> Đến 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

<sup>2</sup> Đến 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

NQ/TW của Bộ Chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, nhất là trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN.

b) Bảo đảm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá, quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội.

c) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định về thí điểm chính sách mới thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập Nghị quyết với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, viện nghiên cứu, đại học tại Quyết định số ...../QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2025

2. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn đến các bộ, ngành, địa phương đề nghị góp ý cho dự thảo Nghị quyết.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày ... đến ngày ...).

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của ... cơ quan, gồm: ... ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; hai Đại học Quốc gia; ... ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương. Trong tổng số ... ý kiến đã nhận được, có ... ý kiến hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

3. Ngày ..., Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết

Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số ... ngày ...

4. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến thăm định của Bộ Tư pháp và đã trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết (Tờ trình số .../TTr-BKHCN ngày ...).

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục**

*Dự thảo Nghị quyết được bố cục rõ ràng, bao gồm 22 điều.*

### **2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

a) Về tổ chức, nhân lực:

*Cơ chế tự chủ của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:*

- Quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Đồng thời, quy định cho phép các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

*Ưu đãi đối với nhân lực khoa học và công nghệ là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam:*

- Quy định miễn thị thực và miễn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không thực hiện được.

b) Về đầu tư, tài chính:

*Về chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số:*

- Quy định nguyên tắc kinh phí nhà nước cấp cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua quỹ. Theo đó, kinh phí nhà nước cấp hằng năm cho quỹ khoa học và công nghệ bao gồm kinh phí cho các nhiệm vụ mở mới và chuyển tiếp, được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước. Đồng thời, dự toán dành cho các nhiệm vụ mở mới được xác định dựa trên cơ sở dự kiến số lượng và kinh phí trung bình của các nhiệm vụ sẽ được phê duyệt trong năm kế hoạch.

*Liên quan đến đấu thầu:*

- Quy định các trường hợp khi mua sắm hàng hóa trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải áp dụng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Đấu thầu, bao gồm: mua sắm khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; mua sắm không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cá nhân,

tổ chức tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân.

- Quy định các đối tượng được ưu đãi khi lựa chọn nhà đầu thầu, nhà đầu tư: Nhà thầu trong nước cung cấp dịch vụ, sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu; Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

- Bổ sung các khoản chi liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp: các khoản đầu tư, tài trợ của doanh nghiệp cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

*Cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với sản phẩm khoa học và công nghệ trong nước:*

- Quy định việc Nhà nước ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra trong các lĩnh vực công nghệ cao. Bên cạnh đó, quy định việc nhà nước hỗ trợ tài chính các doanh nghiệp thực hiện việc thử nghiệm, kiểm định và đánh giá chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ trước khi đưa vào danh mục mua sắm công.

Quy định cơ quan mua sắm công được phép chỉ định thầu đối với sản phẩm khoa học và công nghệ do doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao trong nước sản xuất nhưng chưa có quy trình đấu thầu phù hợp.

*Cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua bí quyết công nghệ tiên tiến:*

Quy định Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hỗ trợ tài chính cho hoạt động mua sáng chế, công nghệ, sản phẩm công nghệ từ nước ngoài đối với các lĩnh vực công nghệ thuộc danh mục công nghệ cao.

Quy định sử dụng quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho các nội dung sau: đặt hàng, mua sản phẩm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thực hiện mua bán, sáp nhập, đầu tư, cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành, tham gia góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; hình thành, phát triển các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

*Liên quan đến các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:*

- Quy định các quỹ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thành lập theo quy định của pháp luật khoa học và công nghệ, đồng thời xác định các quỹ này không phải là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Quy định các quỹ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như ngân sách nhà nước cấp ban đầu, kinh phí bổ sung hằng năm, đóng góp của doanh nghiệp, khoản hiến tặng của tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác. Trong đó, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và quỹ của các bộ, ngành, địa phương được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho khoa học và công nghệ, cùng với sự đóng góp từ nhiều nguồn khác. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, được hình thành từ nguồn đầu tư công, chi thường xuyên, kết dư từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, kết quả hoạt động của quỹ và các khoản đóng góp hợp pháp.

c) Về tài sản, kết quả hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

*Tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:*

- Quy định cơ chế tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ để thương mại hóa trừ một số trường hợp đặc biệt.

- Quy định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn ngoài ngân sách nhà nước, tài sản hình thành từ các nhiệm vụ này được giao cho cơ quan nhà nước; đơn vị vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan đảng cộng sản; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp quản lý, sử dụng được xác định là tài sản công.

- Quy định tài sản từ kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được theo dõi riêng, không hạch toán chung và không phải xác định giá trị, khấu hao và hao mòn tài sản. Đồng thời, quy định tổ chức chủ trì nhiệm vụ có quyền chuyển nhượng, cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thành từ kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được sử dụng kết quả nghiên cứu để góp vốn liên doanh, liên kết, thương mại hóa. Số tiền thu được từ các hoạt động nêu trên phải được hạch toán riêng và quản lý theo pháp luật kế toán.

d) Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường:

*Ưu đãi cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo:*

- Quy định dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức đổi mới sáng tạo, tổ chức nghiên cứu và phát triển, cũng như các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020. Đồng thời, quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công và các

khoản thu nhập chịu thuế khác do các tổ chức này chi trả, cũng như thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được hưởng chính sách ưu đãi thuế. Ngoài ra, quy định mở rộng ưu đãi (trong Luật Đầu tư) cho các tổ chức có sản phẩm khoa học và công nghệ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ

*Quy định đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo:*

- Quy định về khái niệm, điều kiện thành lập, địa vị pháp lý và cơ chế hỗ trợ của Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ.

*Đầu tư của doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*

Quy định khái niệm dự án đầu tư mới, bổ sung trung tâm đổi mới sáng tạo là đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư

*Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:*

- Quy định dự án, trung tâm đổi mới sáng tạo được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

*Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp*

- Quy định doanh nghiệp có các khoản chi thực tế liên quan đến sản xuất, kinh doanh, giáo dục nghề nghiệp, quốc phòng, an ninh, bao gồm cả đầu tư, tài trợ cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được hưởng các ưu đãi thuế. Thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo được miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% thuế tối đa 9 năm tiếp theo. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế trong 9 năm sau khi được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, mà không bị trừ đi các ưu đãi thuế đã nhận trước đó. Nếu doanh nghiệp có kết quả khoa học và công nghệ mới được bổ sung vào Giấy chứng nhận, các sản phẩm từ kết quả này tiếp tục hưởng mức ưu đãi thuế theo quy định ngay từ thời điểm bổ sung.

*Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân*

Bổ sung loại hình thu nhập được miễn thuế bao gồm thu nhập từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

*Ưu đãi miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất*

Bổ sung trường hợp sử dụng đất vào mục đích ứng dụng, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Quy định việc Nhà nước ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Bên cạnh đó, quy định việc nhà nước hỗ trợ tài chính các doanh nghiệp thực hiện

việc thử nghiệm, kiểm định và đánh giá chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ trước khi đưa vào danh mục mua sắm công. sẽ có thể được Nhà nước hỗ trợ tài chính.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua bao gồm: các khoản chi cho hoạt động KH,CN&ĐMST; ưu đãi cho nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST; chi cho hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST; chi cho các hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo; kinh phí chi nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, thạc sĩ nghiên cứu tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong kinh phí thực hiện đề tài; chi phí mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung; dự án ĐMST, hoạt động ĐMST; chi phí đầu tư các phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung. Các nguồn kinh phí này nằm trong nguồn ngân sách hằng năm dành cho KH&CN và nguồn kinh phí huy động từ sự đóng góp, đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

## **VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN**

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về dự án Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số chính sách mới để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.



***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề báo cáo);
- Phó Thủ tướng (đề báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

**BỘ TRƯỞNG**